

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 342/2018/DS- PT

Ngày 23-10-2018

V/v tranh chấp “hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp;

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Sum;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp “Vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2018/DS-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 288/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

* Nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Qua quen biết ngày 24/4/2015 chị có cho chị B vay số tiền 17.000.000 đồng. Khi vay không làm biên nhận. Đến ngày 24/6/2015 chị B vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Khi đó có làm biên nhận tổng số nợ là

57.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5% tháng. Sau đó, chị B trả vốn nhiều lần đến cuối năm 2017, tổng cộng được 17.000.000 đồng tiền vốn, và ngưng đến nay không trả vốn cho chị.

Nay yêu cầu chị B trả cho chị số tiền vốn còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu chị B trả số tiền 40.000.000 đồng. Thời gian trả cụ thể 26/8/2018 trả 20.000.000 đồng; Ngày 26/10/2018 trả 20.000.000 đồng.

* Bị đơn Lê Thị B trình bày:

Qua quen biết vào năm 2005 chị có vay của chị L số tiền 17.000.000 đồng và 2.100.000 đồng tiền hụi. Khi vay trả mỗi tháng 800.000 đồng, việc trả lãi không làm giấy tờ gì. Sau đó đến cuối năm 2017 chị đã trả đủ cho bà L 17.000.000 đồng tiền vay và 2.100.000 đồng tiền hụi. Riêng số tiền 40.000.000 đồng chị không có vay của chị L nên không đồng ý trả. Biên nhận chị L cung cấp có chữ ký “B” ở phần cuối là chữ ký của chị còn nội dung phía trên chị L viết nên chị không biết.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Buộc chị Lê Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Thời gian trả cụ thể như sau: Ngay khi án có hiệu lực pháp luật vào ngày 26/8/2018 trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ngày 26/10/2018 trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 31 tháng 7 năm 2018, chị Lê Thị B có đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng.

- Ý kiến của các đương sự tại phiên Tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn Lê Thị B, giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L với số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà B có ý kiến nếu bà L cho bà trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi nào hết số nợ trên thì bà đồng ý trả.

+ Nguyên đơn Nguyễn Thị L không đồng ý với yêu cầu của bà B về việc thực hiện trả nợ với số tiền 2.000.000 đồng 01 tháng đến khi hết số tiền 40.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý và có ý kiến thay đổi thời gian và mức trả nợ vay của bà B so với quyết định án sơ thẩm cụ thể như sau: thời gian trả trong 04 tháng, mỗi tháng 10 triệu đồng, thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị B, ghi nhận ý kiến của nguyên đơn cho bị đơn được trả số tiền 40.000.000 đồng làm 4 tháng mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, sửa một phần án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo qui định của Bộ luật Dân sự và Tố tụng dân sự.

[2] Qua nội dung đơn kháng cáo của bị đơn Lê Thị B cho rằng không có nợ 40.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày và yêu cầu tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Lê Thị B thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là do bị đơn ký, nội dung biên nhận nợ là do nguyên đơn Nguyễn Thị L viết, trong “số tiền 57 triệu và 2100” (là hai triệu một trăm ngàn đồng) là tiền hui, và bị đơn đã trả cho nguyên đơn 17.000.000 đồng tiền vay và 2.100.000 đồng tiền hui. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở.

Bị đơn cho rằng chỉ ký tên vào giấy trắng còn nội dung nguyên đơn viết như thế nào bà không biết và cũng không thừa nhận số tiền 40.000.000 đồng còn nợ của bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, bị đơn vẫn nhận thức được về giá trị của chữ ký của mình, cũng như nguyên tắc bị đơn xác định khi vay nợ ngân hàng bị đơn đều phải ký tên vào hợp đồng vay mới được nhận tiền. Trong số tiền 57.000.000 đồng và 2.100.000 đồng tiền hui giữa nguyên đơn và bị đơn có lời khai thống nhất với nhau trong việc thanh toán, số tiền còn lại trong biên nhận là 40.000.000 đồng chưa có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ, việc bị đơn khai là không biết, không nợ số tiền trên của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó,

Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị B.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn yêu cầu nguyên đơn nếu đồng ý cho bị đơn trả nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền nợ 40.000.000 đồng thì bị đơn trả, nếu không thì không đồng ý trả. Nguyên đơn, có ý kiến chấp nhận thay đổi thời gian và mức trả nợ vay của bà B so với quyết định án sơ thẩm cụ thể như sau: thời gian trả trong 04 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng, thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi và không đồng ý với yêu cầu của bị đơn.

[3] Xét thấy, ý kiến của nguyên đơn có thay đổi so với quyết định của bản án sơ thẩm xét thấy có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa một phần án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G về số tiền và thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bị đơn được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 334/GCN-HN-HCN ngày 01/01/2018 mang tên Phan Văn N là chồng của bà Lê Thị B, căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” thì bà Lê Thị B thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị B.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Buộc chị Lê Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Thời gian trả cụ thể như sau: thực hiện việc trả tiền nợ khi án có hiệu lực pháp luật, thời hạn trả trong 04 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 42521 ngày 18/5/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã G; Bị đơn Lê Thị B không phải chịu án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

+ Án phí phúc thẩm: Bị đơn Lê Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX G;
- Chi cục THADS TX G;
- Các đương sự;
- Đăng CTTĐT TA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2018-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp